

Bản án số: 199/2020/DS-PT

Ngày: 26 - 6 - 2020

V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Văn

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Thu – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 996/2020/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/Bà Quách Ngọc H (Lê Thị Ngọc H), sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 20251, SW, CA 91306, USA (Hoa Kỳ)

2/Bà Quách Ngọc H1, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số His, CA 91343, USA (Hoa Kỳ)

Người đại diện hợp pháp của bà H, bà H1: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 217, ấp A2, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Ông Ông Quách Kỳ S, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 20952 SSt, CP, CA 91304, USA (Hoa Kỳ).

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 70, đường VNC, ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Quách Thu Tr, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 70, đường VNC, ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

2/Ông Phạm Công Đ, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 83, đường ĐBP, ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 562, đường TĐT, khóm 2, phường 5, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

3/ Bà Phạm Mỹ L, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 83, đường ĐBP, Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

4/Ông Trịnh Tôn Ng, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

5/Ông Trịnh Tấn L1, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

6/Bà Trịnh Xuân C, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

7/Ông Trịnh Tôn L2, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

8/Bà Trịnh Ngọc H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

9/Bà Lý Xuân L3, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

10/Ông Lý Việt M, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

11/Bà Lê Thị Ngọc Ng (Le Thi M), sinh năm 1937

Địa chỉ: Số 9342 GC MD 21045, USA (Hoa Kỳ)

Người đại diện hợp pháp của bà Ng:

- Ông Trịnh Tấn L1, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02-10-2017)

- Bà Huỳnh Thị Diệu O, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 22, đường số 7, khu đô thị 5A, đường MĐC, phường 4, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng

12/Cháu Nguyễn Đoàn D, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 70, đường VNC, Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

13/Cháu Nguyễn Đoàn Q, sinh năm 2003 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 70, đường VNC, Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

14/Cháu Nguyễn Đoàn Q1, sinh năm 2012 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 70, đường VNC, Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện hợp pháp của cháu Quang, cháu Quân: Bà Quách Thu Tr, sinh năm 1977 (Là mẹ ruột) (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 70, đường VNC, Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Ông Quách Kỳ S
- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2015, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn bà Quách Ngọc H và bà Quách Ngọc H1 (Do ông Nguyễn Văn U là người đại diện hợp pháp) trình bày:

Bà ngoại của bà H và bà H1 là cụ Trương Thị S1 có các tài sản gồm: Thửa đất số 102, diện tích 82m² và căn nhà gắn liền trên đất; thửa đất số 100, diện tích 112m²; thửa đất số 101, diện tích 97m² và căn nhà gắn liền trên đất; 03 thửa đất đều thuộc loại đất T, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng. Cụ S1 chết vào năm 1996, trước khi chết Cụ S1 có lập 02 bản di chúc:

“Di chúc đề ngày 07/01/1995” có nội dung Cụ S1 để lại cho ông Ông Quách Kỳ S, bà H1 và bà H hưởng các tài sản của Cụ S1 bao gồm: Thửa đất số 102, diện tích 82m² và căn nhà gắn liền trên đất (Căn nhà là nơi thờ cúng Cụ S1); thửa đất số 100, diện tích 112m², cùng tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng. Di chúc này có ông Phạm Công Đ, bà Lâm Thị S và ông Trần Đại H là người làm chứng.

“Di chúc đề ngày 15/4/1996” có nội dung Cụ S1 để lại cho ông S hưởng thửa đất số 101, diện tích 97m², tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng và căn nhà gắn liền trên đất.

Do bà H và bà H1 xuất cảnh sang Hoa Kỳ và ông S là người cất giữ “Di chúc đề ngày 07/01/1995” và không giao lại cho bà H và bà H1 nên bà H và bà H1 chưa khai nhận phần di sản thừa kế trên; bà H và bà H1 có thuê ông Phạm Công Đ trong coi căn nhà nằm trên thửa đất số 102 là nơi thờ cúng Cụ S1 trong suốt thời gian mà bà H và bà H1 không có mặt tại Việt Nam từ năm 1996 đến nay. Tất cả các đồng thừa kế đều thừa nhận di chúc này, không có ai tranh chấp từ khi Cụ S1 chết cho đến nay. Tháng 11/2015, bà H và bà H1 về Việt Nam để khai nhận phần di sản thừa kế trên thì ông S ngang nhiên chiếm toàn bộ phần di sản mà Cụ S1 chia cho bà H và bà H1. Từ đó, bà H và bà H1 đã nhiều lần yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết buộc ông S thực hiện di chúc, ông S cũng thừa nhận di chúc nhưng vẫn cố tình không thực hiện.

Nay bà H và bà H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận “Di chúc đề ngày 07/01/1995” do Cụ S1 lập, để cho bà H và bà H1 nhận 02 suất thừa kế và buộc ông S trả lại phần di sản do Cụ S1 để lại gồm: Thửa đất số 102, diện tích 82m² và căn nhà diện tích xây dựng 82m² gắn liền trên đất; thửa đất số

100, diện tích 112m²; 02 thửa đất đều thuộc loại đất T, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

- Theo Văn bản trả lời thông báo thụ lý đề ngày 03/3/2016, Biên bản lấy khai ngày 05/6/2017, Biên bản xác minh ngày 18/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thu Tr trình bày:

Ông S là cha của bà; bà H và bà H1 là cô của bà; cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1 là ông bà cố ngoại của bà (Ông bà ngoại của ông S). Cụ M và Cụ S1 có 04 người con gồm bà Hai L4, bà Ba S, bà Tư H và bà Út T (Lê Thị Ngọc Ng). Bà Ng là bà nội của bà (Mẹ của ông S), hiện nay còn sống, còn bà L4, bà Sen và bà Huệ đều đã chết. Bà L4 có 02 người con gồm ông Phạm Công Đ và bà Phạm Mỹ L; bà Sen và bà Huệ khi còn sống đều có chồng và con nhưng bà không nhớ rõ là có bao nhiêu người con và họ tên của những người này. Ngoài ra, cụ M và Cụ S1 không có con riêng, con nuôi nào khác.

Lúc còn sống, Cụ S1 có các tài sản gồm: Thửa đất số 100, diện tích 112m², là đất trống không có nhà; thửa đất số 101, diện tích 97m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4 vách tường lợp tole; thửa đất số 102, diện tích là 82m², trên đất có 01 căn nhà cấp 4 vách tường lợp tole. Ngoài 03 thửa đất và 02 căn nhà nêu trên, Cụ S1 không còn tài sản nào khác. Hiện nay, bà đang quản lý, sử dụng tất cả các tài sản này. Ngoài bà và ông S thì còn có các con của bà gồm Nguyễn Đoàn D, Nguyễn Đoàn Q và Nguyễn Đoàn Q1 cùng sinh sống trong nhà.

Cụ S1 chết vào ngày 25/5/1996. Khi đó nhà, đất nêu trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) và quyền sở hữu nhà, Cụ S1 chỉ là người có tên trong sổ mục kê của Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn PL chứ chưa đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ theo Luật Đất đai năm 1993 thì Cụ S1 không có quyền để thừa kế đất đai nên “Di chúc đề ngày 07/01/1995” là vô hiệu. Từ ngày Cụ S1 chết đến nay cũng đã hết thời hiệu chia thừa kế là 10 năm. Từ năm 1996 đến năm 2003, nhà, đất nêu trên do ông S quản lý, sử dụng; đến năm 2003 ông S di cư sang Hoa Kỳ nên giao nhà, đất nêu trên cho bà quản lý, sử dụng để ở và thờ cúng Cụ S1. Vào năm 2015, do nhà bị xuống cấp nên bà có sửa chữa lại nhà để làm nơi thờ cúng. Bà H và bà H1 đã di cư sang Hoa Kỳ từ năm 1996 cho đến nay không quản lý, sử dụng nhà, đất nêu trên cũng như không có công sức đóng góp, tôn tạo nên không có quyền hưởng thừa kế đối với nhà, đất nêu trên. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của bà H và bà H1.

Ngoài ra, bà Tr trình bày trước khi chết, Cụ S1 có lập di chúc để lại căn nhà thuộc thửa đất số 101 cho ông S, còn căn nhà thuộc thửa đất số 102 và thửa đất số 100 Cụ S1 có lập di chúc để lại cho 03 người cháu gồm ông S, bà H và bà H1. Đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà H và bà H1 theo nội dung “Di chúc đề ngày 07/01/1995”, bà có ý kiến là đồng ý chia phần cho bà H và bà H1 2/3 giá trị của 02 thửa đất số 100, 102 (Kể cả căn nhà trên đất) theo kết quả định giá của Tòa án, bà yêu cầu cho bà và ông S được nhận hiện vật nhà, đất.

- Theo Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 28/9/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc Ng (Do bà Huỳnh Thị Diệu O là người đại diện hợp pháp) trình bày:

Cha mẹ bà Ng là cụ Lê Văn M (Chết năm 1962) và cụ Trương Thị S1 (Chết năm 1996) có 04 người con gồm: Bà Phạm Thị L4 (Chết năm 2005), bà Nguyễn Thị S (Chết năm 2009), bà Lê Minh H (Chết năm 1993) và bà Ng.

Lúc còn sống, cụ M và Cụ S1 có tạo lập được các tài sản gồm: Thửa đất số 102, diện tích 82m² và căn nhà gắn liền trên đất; thửa đất số 100, diện tích 112m²; thửa đất số 101, diện tích 97m²; 03 thửa đất đều thuộc loại đất T, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này trước đây do Cụ S1 và bà Ng quản lý. Khi bà Ng xuất cảnh sang Hoa Kỳ thì bà Ng có trao đổi với Cụ S1 là thuê ông Đ trong coi và quản lý căn nhà trên thửa đất số 102 để thờ cúng cụ M.

Đến năm 2015, ông S cho rằng ông được Cụ S1 cho tất cả các phần di sản mà Cụ S1 để lại gồm các thửa đất số 100, 101 và 102 và ông S có xuất trình các di chúc gồm:

“Di chúc đề ngày 07/01/1995” và “Di chúc đề ngày 15/4/1996”. Bà Ng không công nhận nội dung 02 di chúc nêu trên vì khoảng thời gian trước năm 1995 Cụ S1 đã bệnh rất nhiều, nằm liệt giường nên không còn minh mẫn, sáng suốt để lập di chúc cho ông S, bà H và bà H1 được và nội dung di chúc cũng không đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, tài sản do cha mẹ là cụ M và Cụ S1 tạo lập nên một mình Cụ S1 không có quyền tự lập di chúc để định đoạt phần di sản nêu trên được.

Nay bà Ng có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết: Không công nhận “Di chúc đề ngày 07/01/1995” và “Di chúc đề ngày 15/4/1996” của Cụ S1 và chia thừa kế theo pháp luật đối với các tài sản do cụ M và Cụ S1 để lại là nhà, đất tại các thửa đất số 100, 101 và 102, thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng; bà Ng yêu cầu được nhận hiện vật nhà, đất để làm nơi thờ cúng cho cụ M và Cụ S1.

- Theo Biên bản lấy khai ngày 05/6/2017, Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 25/6/2019, Biên bản xác minh ngày 20/9/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công Đ trình bày:

Cụ S1 (chết năm 1996) có 04 người con gồm: Bà Phạm Thị L4 (chết năm 2005), khi còn sống có chồng là ông Mã K (chết năm 1990) và có 02 người con gồm ông Đ và bà Phạm Mỹ L. Bà Nguyễn Thị S (chết năm 2009), khi còn sống có chồng là ông Trịnh Kh (chết năm 2016) và có 05 người con gồm ông Trịnh Tôn Ng, ông Trịnh Tấn L1, bà Trịnh Xuân C, ông Trịnh Tôn L2 và bà Trịnh Ngọc H. Bà Lê Minh H (chết năm 1993), khi còn sống có chồng là ông Lý Sĩ Ng (chết năm 1995) và có 02 người con gồm bà Lý Xuân L3 và ông Lý Việt M. Bà Lê Thị Ngọc Ng, hiện đang định cư ở Hoa Kỳ, có 03 người con gồm ông S, bà H và bà H1.

Lúc còn sống, Cụ S1 có các tài sản gồm: Thửa đất số 100, diện tích là 112m², trên đất không có nhà; thửa đất số 101, diện tích là 97m², trên đất có 01

căn nhà; thửa đất số 102, diện tích là 82m², trên đất có 01 căn nhà. Ngoài các tài sản này ra thì Cụ S1 không còn tài sản nào khác.

Vào năm 1995, Cụ S1 có lập một tờ di chúc để lại tài sản cho ông S, bà H và bà H1. “Di chúc đề ngày 07/4/1995” ông có ký tên và xác nhận, có ông Trần Đại Hưng và bà Lâm Thị Suối ký tên làm chứng. Dấu lấn tay trong di chúc có phải là dấu lấn tay của Cụ S1 hay không thì ông không rõ vì ông S là người đem lại cho ông xác nhận, khi đó trong di chúc đã có sẵn dấu lấn tay rồi.

Đến năm 1996, Cụ S1 có lập thêm một tờ di chúc để lại cho ông S căn nhà và nền thổ cư tại thửa đất số 101, diện tích là 97m². “Di chúc đề ngày 15/4/1996” ông có ký tên và xác nhận, có phó Trưởng ban nhân dân Ấp A1, thị trấn PL là ông Lâm Văn N ký xác nhận và cũng được UBND thị trấn PL xác nhận. Ông S đưa cho ông xác nhận di chúc là do khi đó ông là Tổ trưởng Tổ an ninh số 3 của Ấp A1, thị trấn PL. Khi đưa cho ông xác nhận thì chỉ có ông S đem di chúc lên, không có mặt Cụ S1, bà L4, bà Sen và bà L3. Chữ ký trong di chúc đúng là chữ ký của mẹ ông là bà L4, còn các chữ ký tên, dấu lấn tay khác thì ông không rõ vì khi ký tên, lấn tay vào di chúc ông không có mặt. Sau khi ông xác nhận xong thì ông giao lại di chúc cho ông S đem cho ấp và UBND thị trấn PL chứng thực, những giai đoạn tiếp theo ông không tham gia nên không biết ông S thực hiện như thế nào. Thời điểm ngày 15/4/1996, Cụ S1 sống chung với bà L4, bà H, bà H1 và ông. Lúc đó, sức khỏe của Cụ S1 đã rất suy yếu, chỉ nằm một chỗ và bị lẩn, mắt mờ không thấy gì nữa, sau ngày ông xác nhận vào “Di chúc đề ngày 15/4/1996” khoảng 01 tháng thì Cụ S1 chết. Theo ông thì lúc đó Cụ S1 hoàn toàn không minh mẫn để làm di chúc hoặc hiểu được nội dung của di chúc nên Cụ S1 không thể nào tự nguyện lấn tay vào di chúc, còn việc có ai lấy ngón tay Cụ S1 để lấn vào “Di chúc đề ngày 15/4/1996” hay không thì ông không rõ.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà H và bà H1 theo nội dung “Di chúc đề ngày 07/01/1995”, ông có ý kiến là khi Cụ S1 chết vào năm 1996 thì căn nhà thuộc thửa đất số 102 không có ai ở nên bà Ng, bà H, bà H1 và ông S có kêu ông đến ở và gìn giữ, trông coi nhà để thờ cúng ông bà, sự việc nhờ này không có làm giấy tờ nhưng bà con trong thân tộc ai cũng biết. Ông đã ở và quản lý nhà từ năm 1996 đến năm 2015 thì ông S về lấy lại nhà và sửa chữa nhà lại. Nếu Tòa án công nhận “Di chúc đề ngày 07/01/1995” và giải quyết chia thừa kế thì ông yêu cầu Tòa án xem xét buộc những người được hưởng thừa kế thanh toán cho ông nhận giá trị đối với công sức quản lý, trông coi, gìn giữ tài sản của ông trong thời gian 19 năm, với mức 1.000.000 đồng/tháng x 12 tháng x 19 năm = 228.000.000 đồng. Nếu Tòa án không công nhận “Di chúc đề ngày 07/01/1995” thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với căn nhà gắn liền với thửa đất số 102 và thửa đất số 100.

- Theo Biên bản lấy khai ngày 06/6/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Tấn L1 trình bày:

Cụ S1 (chết năm 1996) có 04 người con gồm: Bà L4 (đã chết), khi còn sống có 02 người con gồm ông Đ và bà L. Bà Sen (chết năm 2009), khi còn sống có chồng là ông Kh (chết năm 2016) và có 05 người con gồm ông Ng, ông Tấn

L1, bà C, ông Tôn L2 và bà H. Bà Huệ (đã chết), khi còn sống có chồng là ông Nguon (đã chết) và có 02 người con gồm bà L3 và ông Mỹ. Bà Ng, hiện đang định cư ở Hoa Kỳ, có 03 người con gồm ông S, bà H và bà H1.

Lúc còn sống, Cụ S1 có 03 thửa đất, trong đó có 02 thửa có nhà (02 căn nhà) và 01 thửa là đất trống, còn về số thửa, diện tích cụ thể thì ông không rõ. Ngoài các tài sản này ra thì Cụ S1 không còn tài sản nào khác.

Trước đây Cụ S1 có lập di chúc để lại các tài sản này cho ai hay không thì ông không biết, nhưng đầu năm 2016 khi ông S bắt đầu sửa chữa nhà trên đất thì ông S có đưa ra 02 tờ di chúc năm 1995 và 1996. Ông S không có đưa cho ông xem nội dung 02 tờ di chúc này, nhưng ông S có nói đây là giấy tờ chứng minh Cụ S1 di chúc để lại nhà, đất cho ông S. Theo ông thì vào năm 1995 Cụ S1 ngã bệnh, đến năm 1996 bệnh của Cụ S1 trở nặng và đến mùng 09/4/1996 (Âm lịch) thì Cụ S1 chết nên tờ di chúc năm 1996 là do ông S tự làm, Cụ S1 không còn minh mẫn để làm tờ di chúc này. Ông biết sự việc này do khi đó ông cũng có qua lại để thăm Cụ S1.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà H và bà H1 theo nội dung “Di chúc đề ngày 07/01/1995”, ông có ý kiến là yêu cầu Tòa án xem xét nội dung của 02 tờ di chúc năm 1995 và 1996, nếu di chúc là hợp pháp thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo nội dung của di chúc, nếu di chúc không hợp pháp thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án này.

- Theo Biên bản lấy khai ngày 18/9/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Xuân L3 trình bày:

Bà Huệ là mẹ của bà. Họ tên đầy đủ của bà là Lý Xuân L3, không có lót chữ “Thị” nên tên “Lý Thị Xuân L” trong “Di chúc đề ngày 15/4/1996” là không đúng và chữ ký trong di chúc này cũng không phải của bà, còn dấu lấn tay trong di chúc này có phải của bà hay không thì bà không rõ. Thời điểm ngày 15/4/1996 bà không có sống chung với bà ngoại của bà là Cụ S1 tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT mà bà sống tại xã Thanh T, huyện TT, nhưng thỉnh thoảng bà có sang thăm Cụ S1, khi đó Cụ S1 có còn minh mẫn hay không thì bà không nhớ rõ, bà chỉ nghe nói là Cụ S1 có lập di chúc còn lập di chúc vào lúc nào và nội dung của di chúc là gì thì bà không rõ. Anh chị em trong gia đình đôi khi cũng có đưa giấy tờ nhờ bà ký tên nhưng bà có ký vào “Di chúc đề ngày 15/4/1996” hay không thì bà không nhớ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 và khoản 1, 2 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 157, khoản 1, 2 Điều 165, khoản 2 Điều 201, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và điểm a khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 623, Điều 649, điểm b khoản 1 Điều 650, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; căn cứ điểm b khoản 1, 3 Điều 24; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27-02-2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; căn cứ Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13-6-2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Quách Ngọc H (Lê Thị Ngọc H) và bà Quách Ngọc H1, về việc yêu cầu công nhận “Di chúc đề ngày 07-4-1995” do cụ Trương Thị S1 lập, để cho bà Quách Ngọc H và bà Quách Ngọc H1 được nhận 02 suất thừa kế và buộc ông Ông Quách Kỳ S trả lại phần di sản do cụ Trương Thị S1 để lại gồm: Thửa đất số 102, diện tích 82m² và căn nhà diện tích xây dựng 82m² gắn liền trên đất; Thửa đất số 100, diện tích 112m²; 02 thửa đất đều thuộc loại đất T, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc Ng (Le Thi M).

- Tuyên bố “Di chúc đề ngày 07-4-1995” và “Di chúc đề ngày 15-4-1996” của cụ Trương Thị S1 là không hợp pháp.

- Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 83,04m² tại thửa đất số 100, quyền sử dụng đất diện tích 148,08m² tại thửa đất số 101 và quyền sử dụng đất diện tích 101,188m² tại thửa đất số 102, cùng thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1 khi còn sống và tài sản trên đất thửa 101, 102 là của cụ Trương Thị S1 (Hiện tại là di sản của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1 chết để lại) với tổng giá trị là 1.400.266.413 đồng.

- Chia thừa kế di sản nêu trên của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1 chết để lại, cụ thể như sau:

Bà Lý Xuân L3 và ông Lý Việt M cùng được hưởng số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

Ông Phạm Công Đ và bà Phạm Mỹ L cùng được hưởng số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

Ông Trịnh Tôn Ng, ông Trịnh Tấn L1, bà Trịnh Xuân C, ông Trịnh Tôn L2 và bà Trịnh Ngọc H cùng được hưởng số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

Bà Lê Thị Ngọc Ng được hưởng số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

3. Buộc ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr cùng có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 101, 102 bằng tiền cho các đồng thừa kế của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1, cụ thể như sau:

- Ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lý Xuân L3 và ông Lý Việt M số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

- Ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm Công Đ và bà Phạm Mỹ L số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

- Ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trịnh Tôn Ng, ông Trịnh Tấn L1, bà Trịnh Xuân C, ông Trịnh Tôn L2 và bà Trịnh Ngọc H số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

- Ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc Ng số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

4. Tạm giao cho ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr được quản lý, sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 83,04m² tại thửa đất số 100, quyền sử dụng đất diện tích 148,08m² tại thửa đất số 101 và quyền sử dụng đất diện tích 101,188m² tại thửa đất số 102, cùng thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng (Các thửa đất số 100 và 102 hiện do cụ Trương Thị S1 đang đứng tên trên giấy xác nhận tạm thời quyền sử dụng đất số 266/B602982 của Chi cục quản lý đất đai tỉnh Sóc Trăng; thửa đất số 101 hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Các quyền sử dụng đất có tứ cận như sau:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 100, có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp đường VNC có số đo 17,7m + 7,9m. Hướng tây giáp thửa đất số 101 có số đo 22,53m + 2,15m. Hướng nam giáp đường đal có số đo 8,3m. Hướng bắc (Là đỉnh tam giác) giáp đường VNC và mương thoát nước có số đo 0m.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 101, có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 100 số đo 22,53m + 2,15m. Hướng tây giáp thửa đất số 102 có số đo 22,53m + 2,15m. Hướng nam giáp đường đal có số đo 06m. Hướng bắc giáp mương thoát nước có số đo 06m.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 102, có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 101 có số đo 22,53m + 2,15m. Hướng tây giáp đất Phạm Công Đ có số đo 22,53m + 2,15m. Hướng nam giáp đường đal có số đo 4,1m. Hướng bắc giáp mương thoát nước có số đo 4,1m.

(Có Sơ đồ đo vẽ kèm theo bản án)

Ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr được quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật đất đai. Trường hợp, ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả giá

trị quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 101, 102 bằng tiền cho các đồng thừa kế của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1, thì các thửa đất và nhà gắn liền đã tạm giao cho ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr sẽ được bán phát mãi để thanh toán cho các đồng thừa kế của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1 (Riêng giá trị tài sản trên thửa đất số 100 sẽ giao trả lại cho ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr khi bán phát mãi tài sản).

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc Ng (Le Thi M), về việc yêu cầu cho bà Lê Thị Ngọc Ng được nhận hiện vật là nhà, đất nêu trên khi giải quyết chia thừa kế.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2019, ông Ông Quách Kỳ S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận di chúc lập ngày 15/04/1996 do bà ngoại ông là cụ Trương Thị S1 lập có hiệu lực pháp luật; chia di sản thừa kế đối với thửa đất 100 và 102 do ông bà ngoại ông để lại nêu trên thành 5 phần trong đó ông phải được hưởng 02 phần bao gồm công gìn giữ, quản lý di sản; không đưa phần công trình xây dựng trên đất với giá trị là 924.923.743 đồng (Chín trăm hai mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng) vào làm di sản thừa kế vì đây là tài sản của ông và tuyên xử giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với ba thửa đất 100, 101 và 102 cho ông (gồm nhà, các công trình xây dựng trên đất,...).

Ngày 16/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Ông Quách Kỳ S có kháng cáo nhưng vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thu Tr (con ruột của ông S) có mặt tại phiên tòa trình bày lý do ông S vắng mặt là do ông S ở nước ngoài, vì dịch bệnh nên không thể về Việt Nam. Bà Tr là người đại diện theo ủy quyền của ông S, văn bản ủy quyền đương sự đã cung cấp từ cấp sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông S.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc Ng không đồng ý nội dung đơn kháng cáo của bị đơn và không có ý kiến về quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phản tranh luận:

Bà Quách Thu Tr (đại diện cho ông S) trình bày: Di chúc cụ Trương Thị S1 đề ngày 15/4/1996 với nội dung cho ông S hưởng thửa đất số 101, tờ bản đồ số 4 có người làm chứng và được UBND thị trấn PL chứng thực theo quy định pháp luật nên bị đơn không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận di chúc. Ngoài ra, quyền sử dụng đất diện tích 83,04m² tại thửa đất số

100, quyền sử dụng đất diện tích 148,08 m² tại thửa đất số 101 và quyền sử dụng đất diện tích 101,188 m² tại thửa đất số 102, cùng thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng là tài sản riêng của cụ Trương Thị S1. Căn nhà hiện tại ông S đã bỏ tiền xây dựng, sửa chữa lại, nên đề nghị Hội đồng xem xét công sức của ông S đối với nhà trên đất.

Ông Nguyễn Văn U (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn), bà Huỳnh Thị Diệu O (đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Ngọc Ng) giữ nguyên lời trình bày như tại cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận quyết định kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông U và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ng cho rằng 3 thửa đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng cụ M và Cụ S1. Bị đơn cho rằng tất cả tài sản tranh chấp là của Cụ S1. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy có sự mâu thuẫn giữa các lời khai của các bên, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định tài sản tranh chấp là tài sản chung của cụ M và Cụ S1 là chưa đủ căn cứ vững chắc. Việc lập di chúc đề ngày 07- 4 -1995 và di chúc đề ngày 15-4-1996 là đảm bảo quy định hình thức, có đủ căn cứ cho rằng di chúc là hợp pháp, bản án sơ thẩm tuyên hai bản di chúc không hợp pháp là không phù hợp. Ngoài ra, bản án sơ thẩm chưa làm rõ trong quá trình ông S và bà Tr quản lý, sử dụng hai căn nhà đã tu bổ, sửa chữa, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị căn nhà là di sản do cụ M và Cụ S1 chết để lại là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông S và bà Tr. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tạm giao quyền sử dụng đất cho ông S và bà Tr nhưng không tuyên giao tài sản trên đất nên ảnh hưởng quyền lợi của đương sự gây khó khăn trong việc thi hành án. Từ các căn cứ trên, xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng và một phần kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị và kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tất cả các đương sự đều thống nhất: cụ Lê Văn M (chết năm 1962) và cụ Trương Thị S1 (chết năm 1996) có 04 người con gồm:

- Bà Phạm Thị L4 (chết năm 2005) có chồng là Mã K (chết năm 1990), có 02 người con Phạm Công Đ và Phạm Mỹ L.

- Bà Nguyễn Thị S (chết năm 2009) có chồng ông Trịnh Kh (chết năm 2016) và 05 người con: Trịnh Tôn Ng, Trịnh Tấn L1, Trịnh Xuân C, Trịnh Tôn L2, Trịnh Ngọc H.

- Bà Lê Minh H (chết năm 1993) có chồng ông Lý Sĩ Ng (chết năm 1995) và 02 người con: Lý Xuân L3, Lý Việt M.

- Bà Lê Thị Ngọc Ng có 03 người con là Quách Ngọc H, Quách Ngọc H1, Ông Quách Kỳ S.

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về di sản thừa kế của Cụ S1, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai của tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người thừa kế thế vị của bà L4, bà Sen, bà Huệ. Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện ý kiến của ông Phạm Công Đ (đại diện nhánh thừa kế của bà L4), ông Trịnh Tấn L1 (đại diện nhánh thừa kế của bà Sen), bà Lý Xuân L3 (đại diện nhánh thừa kế của bà Huệ), đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Do đó, thiếu sót này của cấp sơ thẩm xem như đã được khắc phục.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Ông Quách Kỳ S có kháng cáo nhưng vắng mặt. Bà Quách Thu Tr (con ruột ông S, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) trình bày là người đại diện theo ủy quyền của ông S từ cấp sơ thẩm, nhưng không cung cấp được văn bản ủy quyền. Xét thấy, bà Tr và ông S là người đang quản lý sử dụng tài sản tranh chấp. Bà Tr có cùng quyền lợi, cùng ý kiến trình bày với ông S. Do vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử phúc thẩm theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn bà Quách Ngọc H, bà Quách Ngọc H1 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trương Thị S1 theo di chúc ngày 07/01/1995 và 15/4/1996. Theo đó, bà H và H1 yêu cầu được nhận 02 suất thừa kế là nhà và đất tại thửa 102 diện tích 82 m² và thửa 100 diện tích 112 m² tờ bản đồ 04, tọa lạc tại Ấp A1 thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng. Phần tài sản này hiện nay ông Quách Ngọc Sơn đang quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thu Tr (con ông Ông Quách Kỳ S) cho rằng di chúc ngày 07/01/1995 của Cụ S1 là vô hiệu. Bà H, bà H1 định cư tại nước ngoài từ năm 1996. Ông S quản lý, sử dụng tài sản cho đến năm 2003 thì di cư sang nước ngoài. Hiện nay, bà Tr đang sử dụng tất cả tài sản này. Cụ S1 có lập di chúc để lại cho ông S căn nhà tại thửa 101. Bà đồng ý chia cho bà H, bà H1 2/3 giá trị của 02 thửa đất 100, 102 theo kết quả định giá, bà và ông S yêu cầu được nhận toàn bộ nhà, đất nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc Ng không đồng ý yêu cầu khởi kiện, đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật, bà Ng yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật nhà và đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Công Đ, ông Trịnh Tấn L1, bà Lý Xuân L3 đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Riêng ông Phạm Công Đ có yêu cầu độc lập buộc những người thừa kế thanh toán cho ông giá trị

công sức, quản lý, trông coi giữ gìn tài sản trong 19 năm với tổng số tiền 228.000.000 đồng.

[3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm đã nhận định:

[3.1] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ phục vụ cho việc định giá và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 18/8/2017, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/7/2018, Chứng thư thẩm định giá ngày 27/7/2018 và Biên bản định giá tài sản ngày 15/8/2018, giá trị tài sản tranh chấp là:

- Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 04, diện tích 83,04m² (tương đương 207.600.000 đồng), tài sản trên đất có giá trị 104.246.630 đồng.

- Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 04, diện tích 148,08m² (tương đương 308.746.800 đồng), tài sản trên đất có giá trị 452.368.113 đồng.

- Thửa đất số 102, tờ bản đồ số 04, diện tích 101,188m² (tương đương 63.242.500 đồng), tài sản trên đất có giá trị 368.309.000 đồng.

Tổng diện tích 03 thửa đất số 100, 101 và 102 là 332,308m², tương đương giá trị là 579.589.300 đồng; công trình xây dựng trên đất có tổng giá trị là 924.923.743 đồng; tổng giá trị đất và tài sản gắn liền là 1.504.513.043 đồng.

Nguồn gốc tài sản tranh chấp là do cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1 tạo lập. Hiện nay, ông S và gia đình bà Tr đang quản lý, sử dụng tài sản trên đất. Hiện trạng nhà cũ trên đất của cụ M và Cụ S1 được xây cất trước đây (cửa chính của 02 căn nhà trên thửa đất số 101, 102 quay ra đường lộ đal và giữa 02 căn nhà có tường ngăn cách) đã có thay đổi, do ông S và bà Tr đã đập bỏ một phần vào năm 2015 để tiến hành sửa chữa (ông S sửa chữa nhà lại xây bít cửa chính - cửa cũ và mở cửa chính quay ra thửa đất số 100 và ra đường nhựa VNC) thành một căn nhà chung, thửa đất số 100 ông S có làm mái che và hàng rào bao bọc xung quanh (Theo biên bản thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 22/11/2019).

[3.2] Xét di chúc ngày 07/01/1995 và 15/4/1996:

Theo tờ chúc năm 1995 của Cụ S1 do các bên cung cấp (Nguyên đơn cung cấp bản photo tại BL số 03, bị đơn cung cấp bản chính tại BL số 46) xác định tờ chúc năm 1995 của Cụ S1 được lập và được xác nhận cùng ngày 07/4/1995, nên được gọi là “Di chúc đề ngày 07/4/1995” mới chính xác.

Về hình thức: Trong 02 di chúc này có dấu lặn tay của Cụ S1, có xác nhận của ông Đ với tư cách là Tổ trưởng Tổ 3 thuộc Ấp A1, thị trấn PL. Di chúc ngày 07/4/1995 có chữ ký của ông S, bà H, bà H1, ông Suối và ông Hưng với tư cách là người làm chứng. Di chúc ngày 15/4/1996 có chữ ký của bà L4, bà Sen, bà L3, ông Náo và được UBND thị trấn PL xác nhận. Theo khoản 1, 2 Điều 657 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định *người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc; người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan tới nội dung di chúc thì không được làm chứng cho việc lập di chúc*. Do đó, việc những người thừa kế theo pháp luật (ông Đ, ông S, bà H, bà H1, bà L4, bà Sen, bà L3) của cụ M và Cụ S1, nhưng lại ký xác nhận vào di chúc với tư cách người làm chứng là không đảm bảo tính khách quan, vì những người này có quyền lợi trực

tiếp đến nội dung di chúc nên họ ký xác nhận vào nội dung di chúc là trái với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo văn bản số 1816/STNMT.VPĐK, ngày 20/8/2019 (BL số 479) xác định theo đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đề ngày 31/7/1992 của Cụ S1, Cụ S1 kê khai nguồn gốc các thửa đất số 100 và 102 là “Đất chế độ trước cấp năm 1960”. Vì vậy có cơ sở xác định đây là tài sản chung của cụ M và Cụ S1 tạo lập, nhưng Cụ S1 một mình định đoạt toàn bộ tài sản là không đúng quy định tại Điều 76 Luật Đất đai năm 1993 và theo quy định tại Điều 649 Bộ luật Dân sự năm 1995. Mặt khác, theo ông Đ và ông Tân L1 khẳng định tại thời điểm ngày 15/4/1996 Cụ S1 không còn minh mẫn để lập di chúc, không còn hiểu được nội dung di chúc do lúc đó Cụ S1 rất già yếu, nằm liệt một chỗ, sau đó khoảng 01 tháng Cụ S1 chết, có căn cứ thể hiện di chúc này không phải do Cụ S1 tự nguyện lập, đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 1995. Vì vậy, nội dung di chúc không đảm bảo quy định pháp luật.

Do không phù hợp về hình thức và nội dung nên 02 bản di chúc trên không hợp pháp.

[3.4] Căn cứ Điều 649 và điểm b khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015 chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất số 100, 101, 102 với tổng diện tích 332,308m² và 02 căn nhà trên thửa đất số 101, 102 theo yêu cầu độc lập của bà Ng.

Ông S có sửa chữa nhà trên thửa đất số 101, 102, nhưng việc sửa chữa nhà của ông S đã được những người thừa kế ngăn cản và được UBND thị trấn PL lập biên bản ngày 02/10/2015 và đề nghị ông S giữ nguyên hiện trạng nhà, nếu bên nào có yêu cầu thì khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết, ngược lại bên nào cố tình vi phạm thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật; tuy nhiên, ông S vẫn cố tình sửa chữa nhà và việc sửa chữa nhà của ông S không xác định được chi phí là bao nhiêu. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Tr cho rằng không còn giấy tờ gì để chứng minh số tiền sửa chữa nhà mà ông S đã bỏ ra. Do đó, việc ông S tự sửa chữa nhà và không được những người thừa kế đồng ý thì ông S tự chịu trách nhiệm, không có căn cứ để tách chi phí sửa chữa nhà ra riêng được; còn tài sản trên thửa đất số 100 do ông S đầu tư sửa chữa có thể xác định được với tổng chi phí là 104.246.630 đồng, nên khi chia thừa kế theo pháp luật sẽ trừ chi phí này ra cho ông S.

Toàn bộ các thửa đất số 100, 101, 102 và nhà cửa trên đất đều do ông S và bà Tr và các con của bà Tr trực tiếp quản lý, sử dụng và ông S, bà Tr có công trình sửa chữa trên thửa đất số 101, 102 và đầu tư xây dựng mới trên thửa đất số 100, hiện trạng các căn nhà cũ đã bị thay đổi thành một căn nhà. Hiện nay, ông S đang có mặt tại Việt Nam và đang sinh sống trong căn nhà nêu trên; ông S và bà Tr cũng có nhu cầu được tiếp tục nhận hiện vật là nhà và đất. Về phía bà H, bà H1 và bà Ng thì hiện nay đang định cư ở Hoa Kỳ vẫn chưa hồi hương về Việt Nam; còn các đồng thừa kế khác thì không có nhu cầu nhận hiện vật nhà và đất. Mặt khác, tuy ông S và bà Tr không phải là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ M và Cụ S1, nhưng về mối quan hệ thân tộc thì cụ M, Cụ S1 là

ông bà ngoại của ông S và là ông bà cố ngoại của bà Tr, nên việc tạm giao hiện vật nhà và đất cho ông S và bà Tr là hợp tình, hợp lý. Đồng thời, buộc ông S và bà Tr có trách nhiệm trả lại tổng giá trị nhà và đất với số tiền 1.400.266.413 đồng để chia cho những người thừa kế. Trường hợp ông S và bà Tr không thực hiện việc giao trả giá trị nhà và đất thì toàn bộ nhà và đất tạm giao cho ông S và bà Tr sẽ được bán phát mãi để thi hành án. Căn cứ vào Thông tư số 81/TANDTC ngày 24-7-1981 của Tòa án nhân dân tối cao (Tương ứng với các Điều 613, 651 và 652 Bộ luật Dân sự năm 2015) xác định về người, hàng và diện thừa kế theo pháp luật của cụ M và Cụ S1.

[3.5] Ông Đ có đơn yêu cầu bà H, bà H1 và bà Ng thanh toán cho ông nhận tiền thuê trong coi, giữ gìn căn nhà trên thửa đất số 102; nhưng ông Đ có đơn yêu cầu là sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không được xem xét.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị Ngọc Ng.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[4.1] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:

Về giá trị pháp lý của 02 bản di chúc: Nội dung kháng nghị cho rằng di chúc của Cụ S1 có hiệu lực pháp luật theo Điều 655 Bộ luật Dân sự năm 1995 đối với phần tài sản của Cụ S1. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ chứng cứ, xác định 02 bản di chúc không hợp pháp là có căn cứ. Ngoài ra, Hội đồng xét xử nhận định thêm: Trong lời trình bày ông Đ xác nhận: Di chúc ngày 07/4/1995 thì ông ký tên khi trong di chúc đã có sẵn dấu lấn tay của Cụ S1. Di chúc ngày 15/4/1996 ông chỉ xác nhận chữ ký của bà L4 (mẹ ông Đ), còn các chữ ký và dấu lấn tay khác thì ông không rõ vì khi ký tên và lấn tay ông không có mặt. Điều 659 Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định: Người lập di chúc phải ký tên lấn tay trước mặt người làm chứng. Như vậy, đối chiếu với quy định trên đủ cơ sở xác định 02 bản di chúc trên không hợp pháp.

Các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đủ cơ sở xác định tài sản tranh chấp là tài sản chung của cụ M và Cụ S1. Hơn nữa, do di chúc không hợp pháp, di sản được chia thừa kế theo pháp luật nên việc xác định đây là tài sản chung hay tài sản riêng của Cụ S1 là không cần thiết.

Về chi phí sửa chữa nhà: Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Tr đã xác định không có giấy tờ chứng minh chi phí sửa chữa lại nhà. Tất cả các đương sự đều thống nhất hiện trạng nhà hiện nay có thay đổi do ông S, bà Tr sửa chữa. Do đó, nội dung kháng nghị đề nghị làm rõ quá trình ông S, bà Tr đã tu bổ sửa chữa nhà là không cần thiết.

Từ những nhận định trên, nội dung quyết định kháng nghị là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Kháng cáo của ông S: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Ông S không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ M, Cụ S1. Bà Ng là hàng thừa kế thứ nhất cũng có yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật là nhà, đất. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quá trình quản lý sử dụng, công sức sửa chữa tôn tạo nên giao toàn bộ hiện vật nhà và đất cho ông S, bà Tr, đồng thời buộc đương sự trả lại toàn bộ giá trị di sản cho các đồng thừa kế là đã đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, kháng cáo của ông S không có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Đối với nội dung kháng cáo, kháng nghị về nội dung của mục 4 phần quyết định của bản án sơ thẩm: Trong phần nhận định tại mục [14], Tòa án cấp sơ thẩm có nêu: “...việc *tạm giao hiện vật nhà và đất cho ông S, bà Tr là hợp tình, hợp lý*”, nhưng mục 4 phần quyết định chỉ giao quyền sử dụng đất cho ông S, bà Tr là có thiếu sót. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, kháng nghị về nội dung này, điều chỉnh mục 4 phần quyết định của bản án sơ thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ông Quách Kỳ S, chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, sửa mục 4 phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

I/ Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Ông Quách Kỳ S, chấp nhận một phần quyết định kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 57/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Quách Ngọc H (Lê Thị Ngọc H) và bà Quách Ngọc H1, về việc yêu cầu công nhận “Di chúc đề ngày 07-4-1995” do cụ Trương Thị S1 lập, để cho bà Quách Ngọc H và bà Quách Ngọc H1 được nhận 02 suất thừa kế và buộc ông Ông Quách Kỳ S trả lại phần di sản do cụ Trương Thị S1 để lại gồm: Thửa đất số 102, diện tích 82m² và căn nhà diện tích xây dựng 82m² gắn liền trên đất; Thửa đất số 100, diện tích 112m²; 02 thửa đất đều thuộc loại đất T, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc Ng (Le Thi M).

- Tuyên bố “Di chúc đề ngày 07-4-1995” và “Di chúc đề ngày 15-4-1996” của cụ Trương Thị S1 là không hợp pháp.

- Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 83,04m² tại thửa đất số 100, quyền sử dụng đất diện tích 148,08m² tại thửa đất số 101 và quyền sử dụng đất diện tích 101,188m² tại thửa đất số 102, cùng thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng là tài sản chung của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1 khi còn sống và tài sản trên đất thửa 101, 102 là của cụ Trương Thị S1 (Hiện tại là di sản của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1 chết để lại) với tổng giá trị là 1.400.266.413 đồng.

- Chia thừa kế di sản nêu trên của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1 chết để lại, cụ thể như sau:

Bà Lý Xuân L3 và ông Lý Việt M cùng được hưởng số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

Ông Phạm Công Đ và bà Phạm Mỹ L cùng được hưởng số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

Ông Trịnh Tôn Ng, ông Trịnh Tấn L1, bà Trịnh Xuân C, ông Trịnh Tôn L2 và bà Trịnh Ngọc H cùng được hưởng số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

Bà Lê Thị Ngọc Ng được hưởng số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

3. Buộc ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr cùng có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 101, 102 bằng tiền cho các đồng thừa kế của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1, cụ thể như sau:

- Ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lý Xuân L3 và ông Lý Việt M số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

- Ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Phạm Công Đ và bà Phạm Mỹ L số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

- Ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Trịnh Tôn Ng, ông Trịnh Tấn L1, bà Trịnh Xuân C, ông Trịnh Tôn L2 và bà Trịnh Ngọc H số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

- Ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr cùng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Ngọc Ng số tiền là 350.066.603 đồng (Ba trăm năm mươi triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh ba đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

4. Giao cho ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr được quản lý, sử dụng toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 83,04m² tại thửa đất số 100 và tài sản trên đất, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất diện tích 148,08m² tại thửa đất số

101 và quyền sử dụng đất và tài sản trên đất diện tích 101,188m² tại thửa đất số 102, cùng thuộc tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp A1, thị trấn PL, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng (Các thửa đất số 100 và 102 hiện do cụ Trương Thị S1 đang đứng tên trên giấy xác nhận tạm thời quyền sử dụng đất số 266/B602982 của Chi cục quản lý đất đai tỉnh Sóc Trăng; thửa đất số 101 hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Các quyền sử dụng đất có tứ cận như sau:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 100, có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp đường VNC có số đo 17,7m + 7,9m. Hướng tây giáp thửa đất số 101 có số đo 22,53m + 2,15m. Hướng nam giáp đường đal có số đo 8,3m. Hướng bắc (Là đỉnh tam giác) giáp đường VNC và mương thoát nước có số đo 0m.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 101, có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 100 số đo 22,53m + 2,15m. Hướng tây giáp thửa đất số 102 có số đo 22,53m + 2,15m. Hướng nam giáp đường đal có số đo 06m. Hướng bắc giáp mương thoát nước có số đo 06m.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 102, có số đo tứ cạnh như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 101 có số đo 22,53m + 2,15m. Hướng tây giáp đất Phạm Công Đ có số đo 22,53m + 2,15m. Hướng nam giáp đường đal có số đo 4,1m. Hướng bắc giáp mương thoát nước có số đo 4,1m.

(Có Sơ đồ đo vẽ kèm theo bản án)

Sau khi thi hành xong nghĩa vụ tại mục 3 phần quyết định của bản án này, ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr được quyền liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật đất đai. Trường hợp, ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 100, giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 101, 102 bằng tiền cho các đồng thừa kế của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1, thì các thửa đất và nhà gắn liền đã giao cho ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr sẽ được bán phát mãi để thanh toán cho các đồng thừa kế của cụ Lê Văn M và cụ Trương Thị S1 (Riêng giá trị tài sản trên thửa đất số 100 sẽ giao trả lại cho ông Ông Quách Kỳ S và bà Quách Thu Tr khi bán phát mãi tài sản).

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ngọc Ng (Le Thi M), về việc yêu cầu cho bà Lê Thị Ngọc Ng được nhận hiện vật là nhà, đất nêu trên khi giải quyết chia thừa kế.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/ Ông Ông Quách Kỳ S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- ND (2);
- BD (1);
- NLQ (14);
- Lưu (10) 32b (Án VTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên